

COMPETITION SCHEDULE

DATE	TIME	NO.	GROUP		COUNTRY				RINK	RESULTS				
					CODE	NAME		CODE				NAME		
<b>DAY</b> <b>1</b> 24/01/16 SUN	10.15 AM ROUND 1 (MEN'S PAIRS-C,D & TRIPLES- E,F)	1	C1	v	C4	HKG	HONG KONG	v	SIN	SINGAPORE	A1	16	-	16
		2	C2	v	C3	MAC	MACAU	v	IND	INDIA	A2	10	-	15
		3	C5	v	C6	JPN	JAPAN	v	THA	THAILAND	A4	11	-	29
		4	D1	v	D4	MSA	MALAYSIA	v	BRU	BRUNEI	A3	12	-	15
		5	D5	v	D6	PAK	PAKISTAN	v	SLK	SRI LANKA	A5	15	-	8
		6	E1	v	E3	MSA	MALAYSIA	v	BRU	BRUNEI	B1	17	-	15
		7	E2	v	E6	HKG	HONG KONG	v	SLK	SRI LANKA	B2	30	-	3
		8	E4	v	E5	MAC	MACAU	v	PAK	PAKISTAN	B3	27	-	5
		9	F1	v	F3	IND	INDIA	v	SIN	SINGAPORE	B4	21	-	11
		10	F4	v	F5	JPN	JAPAN	v	CHI	CHINA	B5	18	-	13
	12.30 PM ROUND 1 (WOMEN'S SINGLES- L,M & FOURS-S,T) AND ROUND 1 (UNDER 25 BOYS-X & GIRLS-Y)	11	L1	v	L4	HKG	HONG KONG	v	BRU	BRUNEI	A3	6	-	21
		12	L2	v	L3	SIN	SINGAPORE	v	MAC	MACAU	A2	18	-	19
		13	M1	v	M4	IND	INDIA	v	CHI	CHINA	A1	21	-	7
		14	S1	v	S5	CHI	CHINA	v	THA	THAILAND	A5	10	-	14
		15	S3	v	S4	IND	INDIA	v	BRU	BRUNEI	A4	10	-	8
		16	T3	v	T4	SIN	SINGAPORE	v	JPN	JAPAN	A6	16	-	6
		17	X4	v	X5	IND	INDIA	v	MSA	MALAYSIA	B1	6	-	21
		18	X2	v	X3	CHI	CHINA	v	HKG	HONG KONG	B2	7	-	21
		19	X1	v	X6	BRU1	BRUNEI 1	v	BRU2	BRUNEI 2	B3	21	-	18
		20	Y5	v	Y4	MSA	MALAYSIA	v	IND	INDIA	B6	21	-	10
	2.45 PM ROUND 2 (MEN'S PAIRS-C,D & TRIPLES- E,F)	21	Y2	v	Y3	CHI	CHINA	v	HKG	HONG KONG	B5	6	-	21
		22	Y1	v	Y6	BRU1	BRUNEI 1	v	BRU2	BRUNEI 2	B4	17	-	21
		23	C1	v	C6	HKG	HONG KONG	v	THA	THAILAND	B1	10	-	15
		24	C2	v	C5	MAC	MACAU	v	JPN	JAPAN	B2	21	-	12
		25	C3	v	C4	IND	INDIA	v	SIN	SINGAPORE	B3	15	-	12
		26	D1	v	D6	MSA	MALAYSIA	v	SLK	SRI LANKA	B4	29	-	3
		27	D3	v	D4	CHI	CHINA	v	BRU	BRUNEI	B5	3	-	29
		28	E1	v	E4	MSA	MALAYSIA	v	MAC	MACAU	A2	11	-	19
		29	E2	v	E3	HKG	HONG KONG	v	BRU	BRUNEI	A3	7	-	24
		30	E5	v	E6	PAK	PAKISTAN	v	SLK	SRI LANKA	A1	10	-	10
	5.00 PM ROUND 2 (WOMEN'S SINGLES- L,M & FOURS-S,T) AND ROUND 2 (UNDER 25 BOYS-X & GIRLS-Y)	31	F1	v	F4	IND	INDIA	v	JPN	JAPAN	A4	27	-	5
		32	F5	v	F6	CHI	CHINA	v	THA	THAILAND	A5	7	-	20
		33	L1	v	L3	HKG	HONG KONG	v	MAC	MACAU	B6	21	-	12
		34	L4	v	L5	BRU	BRUNEI	v	JPN	JAPAN	B5	17	-	18
		35	M4	v	M5	CHI	CHINA	v	THA	THAILAND	B4	12	-	18
		36	S1	v	S3	CHI	CHINA	v	IND	INDIA	B3	9	-	11
		37	T1	v	T3	MSA	MALAYSIA	v	SIN	SINGAPORE	B2	22	-	8
		38	T2	v	T4	HKG	HONG KONG	v	JPN	JAPAN	B1	16	-	4
		39	X1	v	X3	BRU1	BRUNEI 1	v	HKG	HONG KONG	A2	8	-	21
		40	X5	v	X2	MSA	MALAYSIA	v	CHI	CHINA	A3	21	-	6
		41	X4	v	X6	IND	INDIA	v	BRU2	BRUNEI 2	A4	21	-	17
		42	Y1	v	Y5	BRU1	BRUNEI 1	v	MSA	MALAYSIA	A1	5	-	21
		43	Y2	v	Y4	CHI	CHINA	v	IND	INDIA	A5	21	-	12
		44	Y3	v	Y6	HKG	HONG KONG	v	BRU2	BRUNEI 2	A6	21	-	5

COMPETITION SCHEDULE

DATE	TIME	NO.	GROUP			COUNTRY				RINK	RESULTS			
						CODE	NAME		CODE					NAME
<b>DAY</b> <b>2</b> 25/01/16 MON	8.00 AM ROUND 3 (MEN'S PAIRS-C,D & TRIPLES- E,F)	45	C1	v	C3	HKG	HONG KONG	v	IND	INDIA	A5	14	-	12
		46	C4	v	C5	SIN	SINGAPORE	v	JPN	JAPAN	A4	27	-	5
		47	C2	v	C6	MAC	MACAU	v	THA	THAILAND	A1	9	-	14
		48	D1	v	D3	MSA	MALAYSIA	v	CHI	CHINA	A2	22	-	8
		49	D4	v	D5	BRU	BRUNEI	v	PAK	PAKISTAN	A3	25	-	9
		50	E1	v	E6	MSA	MALAYSIA	v	SLK	SRI LANKA	B6	43	-	3
		51	E3	v	E4	BRU	BRUNEI	v	MAC	MACAU	B5	21	-	8
		52	E2	v	E5	HKG	HONG KONG	v	PAK	PAKISTAN	B4	22	-	6
		53	F1	v	F6	IND	INDIA	v	THA	THAILAND	B3	19	-	13
		54	F3	v	F4	SIN	SINGAPORE	v	JPN	JAPAN	B2	25	-	6
	10.15 AM ROUND 3 (WOMEN'S SINGLES- L,M & FOURS-S,T) AND (UNDER 25 BOYS-X & GIRLS-Y)	55	L2	v	L5	SIN	SINGAPORE	v	JPN	JAPAN	A3	19	-	18
		56	L3	v	L4	MAC	MACAU	v	BRU	BRUNEI	A4	21	-	8
		57	M2	v	M5	MSA	MALAYSIA	v	THA	THAILAND	A2	21	-	11
		58	S4	v	S5	BRU	BRUNEI	v	THA	THAILAND	A5	16	-	9
		59	T1	v	T2	MSA	MALAYSIA	v	HKG	HONG KONG	A1	17	-	4
		60	X1	v	X2	BRU1	BRUNEI 1	v	CHI	CHINA	B1	21	-	15
		61	X3	v	X4	HKG	HONG KONG	v	IND	INDIA	B2	21	-	4
		62	X5	v	X6	MSA	MALAYSIA	v	BRU2	BRUNEI 2	B3	21	-	12
		63	Y1	v	Y3	BRU1	BRUNEI 1	v	HKG	HONG KONG	B4	5	-	21
		64	Y2	v	Y5	CHI	CHINA	v	MSA	MALAYSIA	B5	15	-	20
	12.30 PM ROUND 4 (MEN'S PAIRS-C,D & TRIPLES- E,F)	65	Y4	v	Y6	IND	INDIA	v	BRU2	BRUNEI 2	B6	21	-	7
		66	C1	v	C5	HKG	HONG KONG	v	JPN	JAPAN	B6	20	-	6
		67	C2	v	C4	MAC	MACAU	v	SIN	SINGAPORE	B5	8	-	15
		68	C3	v	C6	IND	INDIA	v	THA	THAILAND	B4	13	-	15
		69	D1	v	D5	MSA	MALAYSIA	v	PAK	PAKISTAN	B3	20	-	11
		70	D3	v	D6	CHI	CHINA	v	SLK	SRI LANKA	B2	26	-	3
		71	E1	v	E2	MSA	MALAYSIA	v	HKG	HONG KONG	A4	17	-	10
		72	E3	v	E5	BRU	BRUNEI	v	PAK	PAKISTAN	A3	33	-	5
73		E4	v	E6	MAC	MACAU	v	SLK	SRI LANKA	A2	31	-	5	
74		F3	v	F5	SIN	SINGAPORE	v	CHI	CHINA	A5	12	-	19	
2.45 PM ROUND 4 (WOMEN'S SINGLES- L,M & FOURS-S,T) AND (UNDER 25 BOYS-X & GIRLS-Y)	75	F4	v	F6	JPN	JAPAN	v	THA	THAILAND	A1	2	-	34	
	76	L1	v	L2	HKG	HONG KONG	v	SIN	SINGAPORE	B2	21	-	12	
	77	L3	v	L5	MAC	MACAU	v	JPN	JAPAN	B3	11	-	15	
	78	M1	v	M2	IND	INDIA	v	MSA	MALAYSIA	B4	13	-	17	
	79	S3	v	S5	IND	INDIA	v	THA	THAILAND	B5	11	-	13	
	80	T2	v	T3	HKG	HONG KONG	v	SIN	SINGAPORE	B6	14	-	13	
	81	X1	v	X5	BRU1	BRUNEI 1	v	MSA	MALAYSIA	A1	18	-	21	
	82	X2	v	X4	CHI	CHINA	v	IND	INDIA	A2	13	-	18	
	83	X3	v	X6	HKG	HONG KONG	v	BRU2	BRUNEI 2	A3	15	-	17	
	84	Y1	v	Y2	BRU1	BRUNEI 1	v	CHI	CHINA	A4	7	-	21	
85	Y3	v	Y4	HKG	HONG KONG	v	IND	INDIA	A5	21	-	3		
86	Y5	v	Y6	MSA	MALAYSIA	v	BRU2	BRUNEI 2	A6	21	-	11		

COMPETITION SCHEDULE

DATE	TIME	NO.	GROUP		COUNTRY				RINK	RESULTS				
					CODE	NAME		CODE					NAME	
<b>DAY 2</b> 25/01/16 MON	5.00 PM ROUND 5 (MEN'S PAIRS-C,D & TRIPLES- E,F)	87	C1	v	C2	HKG	HONG KONG	v	MAC	MACAU	A6	18	-	5
		88	C3	v	C5	IND	INDIA	v	JPN	JAPAN	A5	20	-	9
		89	C4	v	C6	SIN	SINGAPORE	v	THA	THAILAND	A3	15	-	11
		90	D3	v	D5	CHI	CHINA	v	PAK	PAKISTAN	A4	19	-	12
		91	D4	v	D6	BRU	BRUNEI	v	SLK	SRI LANKA	A2	28	-	6
		92	E1	v	E5	MSA	MALAYSIA	v	PAK	PAKISTAN	B1	20	-	5
		93	E2	v	E4	HKG	HONG KONG	v	MAC	MACAU	B2	10	-	11
		94	E3	v	E6	BRU	BRUNEI	v	SLK	SRI LANKA	B3	32	-	3
		95	F1	v	F5	IND	INDIA	v	CHI	CHINA	B4	14	-	14
		96	F3	v	F6	SIN	SINGAPORE	v	THA	THAILAND	B5	13	-	24
<b>DAY 3</b> 26/01/16 TUE	8.00 AM ROUND 5 (WOMEN'S SINGLES- L,M & FOURS-S,T) AND ROUND 5 (UNDER 25 BOYS-X & GIRLS-Y)	97	L1	v	L5	HKG	HONG KONG	v	JPN	JAPAN	A5	17	-	16
		98	L2	v	L4	SIN	SINGAPORE	v	BRU	BRUNEI	A4	15	-	19
		99	M1	v	M5	IND	INDIA	v	THA	THAILAND	A6	15	-	18
		100	M2	v	M4	MSA	MALAYSIA	v	CHI	CHINA	A3	21	-	3
		101	S1	v	S4	CHI	CHINA	v	BRU	BRUNEI	A2	9	-	14
		102	T1	v	T4	MSA	MALAYSIA	v	JPN	JAPAN	A1	22	-	12
		103	X1	v	X4	BRU1	BRUNEI 1	v	IND	INDIA	B5	21	-	10
		104	X2	v	X6	CHI	CHINA	v	BRU2	BRUNEI 2	B6	10	-	21
	105	X3	v	X5	HKG	HONG KONG	v	MSA	MALAYSIA	B4	14	-	21	
	106	Y1	v	Y4	BRU1	BRUNEI 1	v	IND	INDIA	B3	4	-	21	
	107	Y2	v	Y6	CHI	CHINA	v	BRU2	BRUNEI 2	B2	10	-	21	
	108	Y3	v	Y5	HKG	HONG KONG	v	MSA	MALAYSIA	B1	15	-	21	
	109	MP1	v	MP2	SIN	SINGAPORE	v	MSA	MALAYSIA	A2	15	-	8	
	110	MP3	v	MP4	HKG	HONG KONG	v	CHI	CHINA	A3	17	-	11	
	111	MT1	v	MT2	THA	THAILAND	v	MSA	MALAYSIA	A5	6	-	15	
	112	MT3	v	MT4	CHI	CHINA	v	MAC	MACAU	A6	11	-	17	
113	WS1	v	WS2	THA	THAILAND	v	BRU	BRUNEI	A1	15	-	16		
114	WS3	v	WS4	JPN	JAPAN	v	IND	INDIA	A2	19	-	10		
115	WF1	v	WF2	IND	INDIA	v	SIN	SINGAPORE	A4	15	-	10		
116	WF3	v	WF4	HKG	HONG KONG	v	THA	THAILAND	A5	17	-	11		
3.00 PM SEMI FINAL (MEN'S PAIRS & TRIPLES)	117	TGC	v	W109	THA	THAILAND	v	SIN	SINGAPORE	A3	11	-	10	
	118	TGD	v	W110	BRU	BRUNEI	v	HKG	HONG KONG	A2	11	-	17	
	119	TGE	v	W111	BRU	BRUNEI	v	MSA	MALAYSIA	A4	3	-	16	
	120	TGF	v	W112	IND	INDIA	v	MAC	MACAU	A5	14	-	11	

COMPETITION SCHEDULE

DATE	TIME	NO.	GROUP		COUNTRY				RINK	RESULTS				
					CODE	NAME		CODE					NAME	
<b>DAY 4</b> 27/01/16 WED	8.00 AM SEMI FINAL (WOMEN'S SINGLES & FOURS)	121	TGL	v	W113	HKG	HONG KONG	v	BRU	BRUNEI	A3	19	-	21
		122	TGM	v	W114	MSA	MALAYSIA	v	JPN	JAPAN	A2	21	-	7
		123	TGS	v	W115	BRU	BRUNEI	v	IND	INDIA	A5	16	-	13
		124	TGT	v	W116	MSA	MALAYSIA	v	HKG	HONG KONG	A6	17	-	10
	11.00 AM FINAL (MEN'S PAIRS, TRIPLES & UNDER 25 BOYS)	125	F1B	v	F2B	MSA	MALAYSIA	v	HKG	HONG KONG	A5	21	-	17
		126	F1MP	v	F2MP	THA	THAILAND	v	HKG	HONG KONG	A3	8	-	19
		127	F1MT	v	F2MT	MSA	MALAYSIA	v	IND	INDIA	A2	16	-	11
	1.00 PM FINAL (WOMEN'S SINGLES, FOURS & UNDER 25 GIRLS)	128	F1WS	v	F2WS	BRU	BRUNEI	v	MSA	MALAYSIA	A4	18	-	21
		129	F1WF	v	F2WF	BRU	BRUNEI	v	MSA	MALAYSIA	A2	15	-	14
		130	F1G	v	F2G	MSA	MALAYSIA	v	HKG	HONG KONG	A6	21	-	11
<b>DAY 5</b> 28/01/16 THU	8.00 AM ROUND 1 (MEN'S SINGLES- A,B & FOURS-G,H)	131	A1	v	A4	HKG	HONG KONG	v	MAC	MACAU	A1	14	-	13
		132	A2	v	A5	IND	INDIA	v	PAK	PAKISTAN	A2	21	-	8
		133	B2	v	B5	BRU	BRUNEI	v	SIN	SINGAPORE	A3	19	-	18
		134	B3	v	B6	CHI	CHINA	v	THA	THAILAND	A4	15	-	21
		135	G1	v	G4	MSA	MALAYSIA	v	BRU	BRUNEI	B4	11	-	21
		136	G5	v	G6	SIN	SINGAPORE	v	SLK	SRI LANKA	B5	38	-	5
		137	H1	v	H4	HKG	HONG KONG	v	MAC	MACAU	B3	16	-	9
		138	H2	v	H3	IND	INDIA	v	JPN	JAPAN	B2	27	-	7
		139	H5	v	H6	PAK	PAKISTAN	v	THA	THAILAND	B1	10	-	31
	10.15 AM ROUND 1 (WOMEN'S PAIRS-N,P & TRIPLES- Q,R) AND (UNDER 25 MIXED PAIRS-Z)	140	N1	v	N4	HKG	HONG KONG	v	JPN	JAPAN	A1	11	-	14
		141	P1	v	P4	IND	INDIA	v	BRU	BRUNEI	A5	14	-	15
		142	P2	v	P3	MSA	MALAYSIA	v	SIN	SINGAPORE	A3	14	-	13
		143	Q1	v	Q4	CHI	CHINA	v	JPN	JAPAN	A6	17	-	13
		144	Q2	v	Q3	IND	INDIA	v	MSA	MALAYSIA	A4	9	-	20
		145	R1	v	R4	HKG	HONG KONG	v	BRU	BRUNEI	A2	16	-	6
		146	Z4	v	Z2	IND	INDIA	v	CHI	CHINA	B1	18	-	9
		147	Z3	v	Z5	HKG	HONG KONG	v	MSA	MALAYSIA	B2	12	-	17
		148	Z1	v	Z6	BRU1	BRUNEI 1	v	BRU2	BRUNEI 2	B3	13	-	13

COMPETITION SCHEDULE

DATE	TIME	NO.	GROUP		COUNTRY				RINK	RESULTS				
					CODE	NAME		CODE					NAME	
DAY 5 28/01/16 THU	1.00 PM ROUND 2 (MEN'S SINGLES- A,B & FOURS-G,H)	149	A1	v	A5	HKG	HONG KONG	v	PAK	PAKISTAN	B6	21	-	4
		150	A2	v	A3	IND	INDIA	v	MSA	MALAYSIA	B5	13	-	21
		151	B2	v	B3	BRU	BRUNEI	v	CHI	CHINA	B4	21	-	2
		152	B4	v	B6	JPN	JAPAN	v	THA	THAILAND	B3	6	-	21
		153	G1	v	G5	MSA	MALAYSIA	v	SIN	SINGAPORE	A1	21	-	7
		154	G2	v	G4	CHI	CHINA	v	BRU	BRUNEI	A2	14	-	10
		155	H1	v	H5	HKG	HONG KONG	v	PAK	PAKISTAN	A3	29	-	6
		156	H2	v	H4	IND	INDIA	v	MAC	MACAU	A4	9	-	25
	157	H3	v	H6	JPN	JAPAN	v	THA	THAILAND	A5	10	-	16	
	158	N1	v	N5	HKG	HONG KONG	v	THA	THAILAND	B1	9	-	15	
	159	P1	v	P3	IND	INDIA	v	SIN	SINGAPORE	B2	10	-	13	
	160	Q1	v	Q2	CHI	CHINA	v	IND	INDIA	B3	8	-	24	
	161	R1	v	R2	HKG	HONG KONG	v	SIN	SINGAPORE	B4	14	-	13	
	162	Z1	v	Z5	BRU1	BRUNEI 1	v	MSA	MALAYSIA	A2	4	-	24	
163	Z2	v	Z3	CHI	CHINA	v	HKG	HONG KONG	A3	13	-	13		
164	Z4	v	Z6	IND	INDIA	v	BRU2	BRUNEI 2	A4	12	-	17		
DAY 6 29/01/16 FRI	8.00 AM ROUND 3 (MEN'S SINGLES- A,B & FOURS-G,H)	165	A2	v	A4	IND	INDIA	v	MAC	MACAU	A1	20	-	14
		166	A3	v	A5	MSA	MALAYSIA	v	PAK	PAKISTAN	A2	21	-	8
		167	B2	v	B4	BRU	BRUNEI	v	JPN	JAPAN	A3	21	-	7
		168	B3	v	B5	CHI	CHINA	v	SIN	SINGAPORE	A4	2	-	21
		169	G4	v	G5	BRU	BRUNEI	v	SIN	SINGAPORE	B5	19	-	8
		170	G2	v	G6	CHI	CHINA	v	SLK	SRI LANKA	B4	27	-	9
		171	H1	v	H3	HKG	HONG KONG	v	JPN	JAPAN	B3	15	-	12
		172	H4	v	H5	MAC	MACAU	v	PAK	PAKISTAN	B2	25	-	10
	173	H2	v	H6	IND	INDIA	v	THA	THAILAND	B1	11	-	9	
	174	N3	v	N5	CHI	CHINA	v	THA	THAILAND	A2	8	-	20	
	175	P2	v	P4	MSA	MALAYSIA	v	BRU	BRUNEI	A3	17	-	13	
	176	Q3	v	Q4	MSA	MALAYSIA	v	JPN	JAPAN	A4	29	-	3	
	177	R4	v	R5	BRU	BRUNEI	v	THA	THAILAND	A5	7	-	25	
	178	Z1	v	Z2	BRU1	BRUNEI 1	v	CHI	CHINA	B2	16	-	17	
179	Z3	v	Z4	HKG	HONG KONG	v	IND	INDIA	B3	15	-	12		
180	Z5	v	Z6	MSA	MALAYSIA	v	BRU2	BRUNEI 2	B4	21	-	12		

COMPETITION SCHEDULE

DATE	TIME	NO.	GROUP			COUNTRY				RINK	RESULTS			
						CODE	NAME	CODE	NAME					
DAY 7 30/01/16 SAT	8.00 AM ROUND 4 (WOMEN'S PAIRS-N,P & TRIPLES- Q,R) AND (UNDER 25 MIXED PAIRS-Z)	181	N3	v	N4	CHI	CHINA	v	JPN	JAPAN	B6	12	-	15
		182	P1	v	P2	IND	INDIA	v	MSA	MALAYSIA	B5	9	-	21
		183	Q1	v	Q3	CHI	CHINA	v	MSA	MALAYSIA	B4	9	-	19
		184	R2	v	R5	SIN	SINGAPORE	v	THA	THAILAND	B3	16	-	17
		185	Z1	v	Z3	BRU1	BRUNEI 1	v	HKG	HONG KONG	A5	6	-	23
		186	Z4	v	Z5	IND	INDIA	v	MSA	MALAYSIA	A3	7	-	24
		187	Z2	v	Z6	CHI	CHINA	v	BRU2	BRUNEI 2	A2	17	-	6
	10.15 AM ROUND 4 (MEN'S SINGLES- A,B & FOURS-G,H)	188	A1	v	A2	HKG	HONG KONG	v	IND	INDIA	B2	18	-	17
		189	A3	v	A4	MSA	MALAYSIA	v	MAC	MACAU	B3	15	-	21
		190	B3	v	B4	CHI	CHINA	v	JPN	JAPAN	B5	21	-	9
		191	B5	v	B6	SIN	SINGAPORE	v	THA	THAILAND	B4	21	-	8
		192	G1	v	G6	MSA	MALAYSIA	v	SLK	SRI LANKA	A6	48	-	1
		193	G2	v	G5	CHI	CHINA	v	SIN	SINGAPORE	A5	11	-	31
		194	H1	v	H6	HKG	HONG KONG	v	THA	THAILAND	A4	10	-	7
		195	H3	v	H4	JPN	JAPAN	v	MAC	MACAU	A3	17	-	8
	12.30 PM ROUND 5 (WOMEN'S PAIRS-N,P & TRIPLES- Q,R) AND (UNDER 25 MIXED PAIRS-Z)	196	H2	v	H5	IND	INDIA	v	PAK	PAKISTAN	A2	22	-	12
		197	N1	v	N3	HKG	HONG KONG	v	CHI	CHINA	A6	24	-	6
		198	N4	v	N5	JPN	JAPAN	v	THA	THAILAND	A5	6	-	18
		199	P3	v	P4	SIN	SINGAPORE	v	BRU	BRUNEI	A4	20	-	10
		200	Q2	v	Q4	IND	INDIA	v	JPN	JAPAN	A3	15	-	12
		201	R1	v	R5	HKG	HONG KONG	v	THA	THAILAND	A2	16	-	14
		202	R2	v	R4	SIN	SINGAPORE	v	BRU	BRUNEI	A1	12	-	13
		203	Z1	v	Z4	BRU1	BRUNEI 1	v	IND	INDIA	B1	11	-	12
		204	Z5	v	Z2	MSA	MALAYSIA	v	CHI	CHINA	B2	11	-	12
	2.45 PM ROUND 5 (MEN'S SINGLES- A,B & FOURS-G,H)	205	Z3	v	Z6	HKG	HONG KONG	v	BRU2	BRUNEI 2	B3	12	-	14
		206	A1	v	A3	HKG	HONG KONG	v	MSA	MALAYSIA	A1	5	-	21
		207	A4	v	A5	MAC	MACAU	v	PAK	PAKISTAN	A3	16	-	14
		208	B2	v	B6	BRU	BRUNEI	v	THA	THAILAND	A4	18	-	21
209		B4	v	B5	JPN	JAPAN	v	SIN	SINGAPORE	A2	6	-	21	
210		G1	v	G2	MSA	MALAYSIA	v	CHI	CHINA	B4	21	-	10	
211		G4	v	G6	BRU	BRUNEI	v	SLK	SRI LANKA	B3	32	-	5	
212		H1	v	H2	HKG	HONG KONG	v	IND	INDIA	B5	8	-	19	
5.00 PM PLAY OFF (WOMEN'S PAIRS & TRIPLES)	213	H3	v	H5	JPN	JAPAN	v	PAK	PAKISTAN	B6	6	-	16	
	214	H4	v	H6	MAC	MACAU	v	THA	THAILAND	B1	10	-	12	
	215	WP1	v	WP2	JPN	JAPAN	v	HKG	HONG KONG	A4	7	-	15	
	216	WP3	v	WP4	BRU	BRUNEI	v	SIN	SINGAPORE	A2	16	-	20	
	217	WT1	v	WT2	THA	THAILAND	v	BRU	BRUNEI	A1	17	-	8	
	218	WT3	v	WT4	IND	INDIA	v	CHI	CHINA	A5	22	-	3	

COMPETITION SCHEDULE

DATE	TIME	NO.	GROUP		COUNTRY				RINK	RESULTS				
					CODE	NAME	v	CODE					NAME	
DAY 8 31/01/16 SUN	8.00 AM PLAY OFF (MEN'S SINGLES & FOURS)	219	MS1	v	MS2	THA	THAILAND	v	IND	INDIA	A3	21	-	18
		220	MS3	v	MS4	BRU	BRUNEI	v	HKG	HONG KONG	A4	16	-	21
		221	MF1	v	MF2	BRU	BRUNEI	v	HKG	HONG KONG	A5	12	-	8
		222	MF3	v	MF4	THA	THAILAND	v	SIN	SINGAPORE	A6	14	-	8
	8.00 AM FINAL (UNDER 25 MIXED PAIRS)	223	F1MXP	v	F2MXP	MAS	MALAYSIA	v	CHI	CHINA	A1	17	-	12
		10.45 AM SEMI FINAL (WOMEN'S PAIRS & TRIPLES)	224	TGN	v	W215	THA	THAILAND	v	HKG	HONG KONG	A2	11	-
	225	TGP	v	W216	MAS	MALAYSIA	v	SIN	SINGAPORE	A1	22	-	6	
		226	TGQ	v	W217	MAS	MALAYSIA	v	THA	THAILAND	A5	26	-	4
		227	TGR	v	W218	HKG	HONG KONG	v	IND	INDIA	A6	9	-	18
	1.00 PM SEMI FINAL (MEN'S SINGLES & FOURS)	228	TGA	v	W219	MAS	MALAYSIA	v	THA	THAILAND	A4	21	-	14
		229	TGB	v	W220	SIN	SINGAPORE	v	HKG	HONG KONG	A5	19	-	21
		230	TGG	v	W221	MAS	MALAYSIA	v	BRU	BRUNEI	A2	15	-	16
		231	TGH	v	W222	IND	INDIA	v	THA	THAILAND	A3	18	-	14
DAY 9 01/02/16 MON	9.00 AM FINAL (WOMEN'S PAIRS & TRIPLES)	232	F1WP	v	F2WP	HKG	HONG KONG	v	MAS	MALAYSIA	A3	6	-	18
		233	F1WT	v	F2WT	MAS	MALAYSIA	v	IND	INDIA	A5	16	-	11
	2.00 PM FINAL (MEN'S SINGLES & FOURS)	234	F1MS	v	F2MS	MAS	MALAYSIA	v	HKG	HONG KONG	A2	21	-	15
		235	F1MF	v	F2MF	BRU	BRUNEI	v	IND	INDIA	A4	12	-	20